TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quý
2. Ông Đặng Văn Thuận

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Hàn Văn Vinh– Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1997
Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2.Bị đơn: Anh Quách Văn ; Sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2019, tại bản tự khai ngày 14/01/2019 và trong phiên hòa giải, chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn nhưng đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh T là người không biết chăm lo cho gia đình, không chăm lo cho vợ con. Bản thân chị phải nuôi con nhỏ nhưng anh T không hề quan tâm mà hay tụ tập bạn bè để chơi bời. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Quách Lương N, sinh ngày 13/01/2018, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2019 và tại phiên hòa giải, anh Quách Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận bình thường đến khi cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L không chịu khó làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè để ăn uống mà không biết chăm lo cho gia đình. Từ khi sinh con bản thân chị L chỉ ở nhà, mọi vấn đề về tiền bạc đều do anh chu cấp. Nhưng chị L nghe lời mẹ đẻ nên coi thường gia đình anh và bố mẹ anh. Đến tháng 11 năm 2018, bản thân chị L tự ý rời khỏi nhà từ đó đến nay không về. Anh đã gọi điện động viên chị L quay về nhưng chị L không về và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, anh xác định nếu ly hôn thì con cái sẽ phải thiếu thốn tình cảm nên anh không muốn ly hôn với chị L. Trong trường hợp chị L đồng ý để anh được nuôi con thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Quách Lương N, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2018. Hiện nay cháu đang ở với chị L. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Trường hợp chị L không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con cái, giao cháu Quách Lương N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị chị L và anh T.

Về hôn nhân:

[3].Chị Bùi Thị L và anh Quách Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[4]. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không biết thông cảm và chia sẻ với nhau trong nhưng lúc khó khăn, hai bên đổ lỗi cho nhau mà không tìm cách động viên, giúp đỡ lẫn nhau. Chính vì thế không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L đã mang hết đồ đạc của mình về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả hai bên đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương.

[5]. Nay chị L nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T, anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng nếu chị L đồng ý để anh nuôi con thì anh cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Quách Văn T.

[6] Về con cái: Chị Bùi Thị L và anh Quách Văn T có một con chung là cháu Quách Lương N, sinh ngày 13/01/2018. Cả anh T và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu N đang còn rất nhỏ (mới 14 tháng tuổi) và từ khi vợ chồng ly thân cháu luôn ở với chị L, chị L có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nhuận cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

[7] Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Quách Văn T.

Về con cái: Giao cháu Quách Lương N, sinh ngày 13/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là

700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003523 ngày 05/01/2019, chị L đã nộp đủ tiền án phí. Anh Quách Văn Thế phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Quách Văn T và chị Bùi Thị L. Anh T và chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc